

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI

 LÊ TỔ ANH - NGUYỄN THỊ THU HIỀN*

Ngày nhận: 19/06/2017

Ngày phản biện: 24/08/2017

Ngày duyệt đăng: 28/09/2017

Tóm Tắt: Hồ Chí Minh rất coi trọng con người, con người là vốn quý nhất, đặc biệt là người có tài, có đức. Vì vậy, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh tìm mọi cách để chăm sóc, nâng đỡ, phát huy nhân tố con người, làm cho con người phát huy hết khả năng của mình cống hiến cho nước nhà. Nhờ đó, Hồ Chí Minh đã quy tụ được nhiều nhân tài, đem hết tâm sức của mình phục vụ đất nước, đưa đến những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam. Những câu chuyện về Hồ Chí Minh với Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Văn Huyên, Nguyễn Sơn, Phạm Quang Lễ, Trần Hữu Tước... là một trong những số ít những dẫn chứng tiêu biểu về cách trọng dụng nhân tài của Hồ Chí Minh. Từ đó, chúng ta có thể rút ra những kinh nghiệm quý báu để vận dụng vào cuộc sống hằng ngày, vào công việc của mỗi người. Đặc biệt, trong điều kiện hiện nay, việc trọng dụng nhân tài theo tư tưởng của Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa hơn bao giờ hết, nhằm phát huy hết tài năng, trí tuệ, phẩm giá của con người Việt Nam phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, vì một nước Việt Nam giàu mạnh.

Từ khóa: Trọng dụng nhân tài; Hồ Chí Minh với việc trọng dụng nhân tài

HO CHI MINH IN USING TALENTS

Abstract: Ho Chi Minh really attaches importance to human, treats them as the most precious asset, especially talented one. Therefore, during his revolutionary life, he found every means to uphold, support and promote the human factor, enabled them to bring their abilities to contribute the nation. Thanks to that, he gathered so many talents, those ones who bring faculty to serve country and lead to the great victory to the revolution of Vietnam. The story of Ho Chi Minh with Vo Nguyen Giap, Nguyen Van Huyen, Nguyen Son, Pham Quang Le, Tran HuuTuc,... is one of the few typical examples to show the proof of the way he use talented person. From that, we could infer the highly valuable experience to use in our work and daily lives. Especially in present conditions, appointing talented person to an important work in Ho Chi Minh thought is more meaningful than ever to bring into full play talent, wisdom and dignity of Vietnamese in service the country, for a rich and powerful Vietnam.

Keywords: Theoretical and Political Education, staff and Communist Party members.

Năm 1484, khi thừa lệnh nhà vua thảo văn bia, Thân Nhân Trung nêu rõ quan điểm cơ bản của nhà nước về hiền tài: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước càng mạnh và càng lớn lao, nguyên khí suy thì thể nước yếu và càng xuống thấp. Bởi vậy các bậc vua tài giỏi đời xưa chẳng có đời nào lại không chăm lo nuôi dưỡng và đào tạo nhân tài bồi đắp nguyên khí”¹.

Tiếp thu, kế thừa quan niệm của các bậc tiền bối, kết hợp với tư tưởng trọng dân, tin dân, nêu cao vai trò làm chủ đất nước của nhân dân, Hồ Chí Minh luôn coi con người là vấn đề quan trọng nhất, trong đó nhân tài có vai trò to lớn, là một động lực thúc đẩy sự phát triển đất nước. Vì lẽ đó, Hồ Chí Minh cho rằng nhân tài phải được phát hiện, phát huy, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng một cách kịp thời, coi việc trọng dụng nhân tài không chỉ là khoa học mà còn là nghệ thuật. Hồ Chí Minh khẳng định “Lãnh đạo khéo, tài nhỏ có thể hóa tài to. Lãnh đạo không

¹ Kỷ niệm 500 năm ngày mất Thân Nhân Trung: Hiền tài là nguyên khí quốc gia, Trung tâm văn hóa UNÉCo thông tin tư liệu lịch sử văn hóa Việt Nam và Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, 1999, tr.10).

* Trường Đại học Công đoàn

khéo, tài to cũng hóa ra tài nhỏ². Đối với Hồ Chí Minh, việc phát hiện nhân tài đã khó, nhưng làm thế nào để tài đức của họ được phát huy cao độ, cống hiến hết mình cho cách mạng còn khó hơn nhiều.

Ý thức rõ tầm quan trọng của nhân tài, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, việc chăm lo bồi dưỡng nhân tài, rèn luyện cán bộ luôn là sự quan tâm hàng đầu của Hồ Chí Minh. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh ân cần căn dặn “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Sự quan tâm sâu sắc và cách trọng dụng của Hồ Chí Minh tạo ra động lực mạnh mẽ thôi thúc nhân tài cống hiến hết mình, đến hơi thở cuối cùng cho cách mạng và coi đó là niềm tự hào của cuộc đời. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam hơn 80 năm qua đã khẳng định tầm quan trọng của việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài theo tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về trọng dụng nhân tài trở thành bài học quý báu, còn nguyên giá trị. Qua một số việc làm, câu chuyện cụ thể của Hồ Chí Minh về trọng dụng nhân tài, chúng ta có thể rút ra những kinh nghiệm quý báu để vận dụng vào thực tiễn hiện nay.

Hơn hai tháng sau khi tuyên bố độc lập, ngày 14/11/1945, Hồ Chí Minh viết bài “Nhân tài và kiến quốc”, nêu rõ “Kiến quốc cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo léo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài ngày càng phát triển, càng thêm nhiều”. Một năm sau đó, ngày 20/11/1946, Hồ Chí Minh viết bài “Tìm người tài đức”, đăng trên báo Cứu quốc số 411, khẳng định “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc chắn không thiếu người có tài, có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp đến nỗi những người tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận³”. Thể hiện quyết tâm sửa khuyết điểm và trọng dụng nhân tài, Hồ Chí Minh chỉ thị cho các địa phương ngay lập tức phải điều tra nơi nào có người tài đức báo cáo đầy đủ, rõ ràng tên, tuổi, nghề nghiệp, tài năng, chỗ ở... lên Chính phủ. Nhờ đó, Hồ Chí Minh đã tập hợp được nhiều nhân sĩ, trí thức mặc dù khác nhau về nguồn gốc xuất thân, địa vị nhưng rất tâm huyết với nước nhà. Trong số đó phải kể đến Huỳnh Thúc Kháng, Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, Phạm Khắc Hoè, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Giàu, Nguyễn Khánh Toàn, Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Ngô Tử Hạ... Những nhân tài này luôn kề vai sát cánh cùng Hồ Chí Minh, đưa đất nước ra khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” và

tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.

Một trong những minh chứng tiêu biểu cho việc trọng dụng nhân tài của Hồ Chí Minh phải kể đến việc Hồ Chí Minh phát hiện và phát huy tài năng của Võ Nguyên Giáp. Võ Nguyên Giáp sinh năm 1910, ở huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình, là người có trí thông minh, giàu lòng yêu nước, tham gia hoạt động cách mạng từ rất sớm. Tại Pắc Bó, Cao Bằng, cùng làm việc với Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh phát hiện đây là người có tài năng thiên bẩm về quân sự. Từ đó, Hồ Chí Minh liên tục giao cho Võ Nguyên Giáp những nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực này.

Đầu tiên, năm 1944, khi quyết định thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Hồ Chí Minh giao cho Võ Nguyên Giáp chỉ huy, với phương châm “chính trị trọng hơn quân sự⁴”. Ngày 22/12/1944, tại khu rừng Trần Hưng Đạo, thuộc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, Võ Nguyên Giáp chỉ huy lễ thành lập với 34 chiến sĩ “quần nâu, chân đất, súng thô”. Ngay sau đó, Đội tấn công tiêu diệt đồn Nà Ngần và Phay Khắt của địch. Trong quá trình lãnh đạo Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Võ Nguyên Giáp luôn khắc ghi lời dạy của Hồ Chí Minh, coi “chính trị trọng hơn quân sự”, “tuyên truyền trọng hơn tác chiến”. Đi đến đâu, trước tiên là tuyên truyền đường lối, chính sách sau đó mới bắt tay vào tổ chức cơ sở chính trị và lực lượng. Ngày 13/8/1945, khi quyết định phát động cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, tại Cây đa Tân Trào, Hồ Chí Minh giao cho Võ Nguyên Giáp chủ trì buổi lễ xuất quân và tiến về Hà Nội. Đoàn quân tiến đến đâu giành thắng lợi đến đó, góp phần quyết định làm nên thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa. Ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ (19/12/1946), Hồ Chí Minh bày tỏ nguyện vọng với Võ Nguyên Giáp, muốn giữ Hà Nội trong vòng 30 ngày để các cơ quan của Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận rút khỏi Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc mới để cho địch tràn vào. Võ Nguyên Giáp đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, giữ Thủ đô được 60 ngày, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các cơ quan chuyển lên Việt Bắc. Biết tin các cơ quan cách mạng chuyển lên Việt Bắc, mùa thu năm 1947, thực dân Pháp mở cuộc tập kích chiến lược đến đây, nhằm tiêu diệt đầu não của cuộc kháng chiến, theo 2 tuyến, dọc đường số 4 từ Quảng Ninh lên Cao Bằng và theo

² (Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, H 1995, tập 5, tr.280).

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, H 1995, tập 4, tr.452)

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 3, tr.539.

sông Lô từ Đoan Hùng, Chiêm Hóa lên Tuyên Quang, Hồ Chí Minh tiếp tục giao cho Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Bằng tài thao lược quân sự, Võ Nguyên Giáp tìm ra cách đánh độc đáo, “đánh điểm, diệt viện”, bức hàng loạt các đồn bốt của địch trên đường số 4 như Đông Khê, Thất Khê, Na Sầm, Lạng Sơn, Đồng Đăng, Đình Lập... Trên Sông Lô, vận dụng cách đánh giặc của cha ông, Võ Nguyên Giáp lợi dụng mực nước sông lên xuống, dòng sông lăm thác gềnh đánh những trận nổi tiếng như Đoan Hùng, Chiêm Hóa. Những chiến thắng đó đập tan cuộc tập kích của địch, bảo vệ vững chắc cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã 4 lần liên tiếp giao nhiệm vụ thuộc cùng một lĩnh vực, Võ Nguyên Giáp đều hoàn thành xuất sắc. Nhằm phát huy hơn nữa tài năng, sức sáng tạo của Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh đi đến một quyết định hết sức táo bạo và sáng suốt: Ngày 20/1/1948, Người ký sắc lệnh số 110-SL, phong quân hàm đại tướng cho Võ Nguyên Giáp. Với quyết định này, Võ Nguyên Giáp từ chỉ huy du kích được phong thăng lên đại tướng, không qua cấp bậc nào (đặc cách 12 bậc). Ngày 28/5/1948, trong những ngày kháng chiến gian khổ, giữa núi rừng Việt Bắc, Hồ Chí Minh tổ chức một bữa tiệc để làm lễ sắc phong. Bữa tiệc tuy đơn sơ nhưng ấm cúng, trang trọng, thể hiện sự tôn sùng, nâng niu, động viên của Người đối với Võ Nguyên Giáp, là món quà vô giá mà Đại tướng nhận được từ người lãnh đạo cao nhất của mình, là niềm tự hào vô bờ bến của vị tướng đầu tiên trong lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam. Trước sự việc này, nhiều báo chí phương Tây phỏng vấn Hồ Chí Minh, có ý hỏi về nguyên tắc phong tướng cho Võ Nguyên Giáp dựa vào đâu. Hồ Chí Minh trả lời rất đanh thép và dí dỏm rằng, thăng cấp nào thì phong cấp đó. Võ Nguyên Giáp đánh thắng rất nhiều đại tướng và cao ủy Pháp nên hoàn toàn xứng đáng là đại tướng, chỉ phong có 1 lần là hơn ít.

Để khẳng định việc làm đúng đắn của mình, đồng thời tiếp tục phát huy tài năng của Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh lại một lần nữa đưa Võ Nguyên Giáp trở thành huyền thoại. Ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ và phê duyệt phương châm “đánh nhanh thắng nhanh”, trong 2 ngày 3 đêm. Võ Nguyên Giáp được giao làm Tư lệnh, kiêm Bí thư Đảng ủy của chiến dịch. Ngày 5/1/1954, Võ Nguyên Giáp tạm biệt Hồ Chí Minh lên Tây Bắc trực tiếp chỉ đạo trận Điện Biên Phủ, Hồ Chí Minh siết chặt tay Đại tướng và nói “Tổng Tư lệnh ra mặt trận. Tướng quân tại ngoại, trao cho chú toàn quyền quyết định. Nếu có vấn đề gì cần phải thay đổi chủ cứ bàn bạc với chuyên gia rồi quyết

định lấy, báo cáo với Bác và Bộ Chính trị sau”⁵. Lời dặn dò đó của Hồ Chí Minh thể hiện sự tôn sùng, nể trọng, tin tưởng tuyệt đối, tạo mọi điều kiện để Võ Nguyên Giáp phát huy hết năng lực của mình. Lên Tây Bắc, kiểm tra tình hình, thấy đánh theo phương châm mà Bộ Chính trị phê duyệt khó có khả năng thắng lợi. Sau nhiều đêm suy nghĩ, bàn bạc với chuyên gia (Vi Quốc Thanh và Mai Gia Sinh), Võ Nguyên Giáp quyết định thay đổi phương châm từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Trong Hồi ký, Đại tướng viết đây là quyết định khó khăn nhất trong cả cuộc đời làm tướng của mình. Theo phương châm mới, trận Điện Biên phủ sẽ kéo dài. Cái khó nhất là phải làm công tác tư tưởng cho hàng nghìn con người đang túc trực ở đây và chờ đợi “đánh nhanh thắng nhanh”. Đại tướng huyền thoại đã thuyết phục được tất cả các lực lượng chuyển mình theo phương châm mới. 5h30 phút ngày 13/3/1954, trận Điện Biên Phủ bắt đầu, sau 56 ngày đêm gian khổ kết thúc thắng lợi vào chiều 7/5/1954, đập tan tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông dương của thực dân Pháp.

Nguyễn Văn Huyền là một cách trọng dụng đặc biệt khác của Hồ Chí Minh. Nguyễn Văn Huyền (1908 - 1975), là người Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp hai bằng cử nhân, bảo vệ xuất sắc luận án tiến sĩ tại đại học Tổng hợp Sorbone (Pháp), năm 26 tuổi. Sau đó, ông trở về nước, không làm quan, chỉ dạy và nghiên cứu khoa học. Trong cách mạng tháng Tám, ngày 22/8/1945, Nguyễn Văn Huyền cùng Nguyễn Xiển, Ngụy Như Kon Tum và Hồ Hữu Tường ký tên vào bức điện gửi hoàng đế Bảo Đại khuyên vua thoái vị. Nhận rõ tài năng và lòng yêu nước của ông, sau khi độc lập, Hồ Chí Minh tin tưởng giao cho ông chức Tổng giám đốc Vụ đại học Bộ Quốc gia giáo dục, kiêm Giám đốc Viện Viễn Đông Bác Cổ. Nguyễn Văn Huyền rất vui sướng nhận thấy mình được Hồ Chí Minh trọng dụng, dẫu vất vả với “một sự quan tâm liên tục, cụ thể và hết sức đặc biệt”. Không chỉ quan tâm đến ông, Hồ Chí Minh còn quan tâm đến cháu Hiếu (con gái ông). Những năm đầu cuộc kháng chiến, biết cháu Hiếu ốm liệt giường vì bệnh lao xương, Hồ Chí Minh tự đi tìm thuốc chữa trị cho cháu. Mỗi lần họp Hội đồng Chính phủ, gặp Nguyễn Văn Huyền, Hồ Chí Minh đều hỏi thăm sức khỏe cháu. Năm 1953, cháu Hiếu khỏi bệnh và được cử đi học ở Liên Xô, Hồ Chí Minh gửi sửa, vải làm quà cho cháu và dặn “Chú bảo cụ may gấp cho cháu một cái áo bằng mảnh vải này nhé”. Không chỉ cháu Hiếu mà cả

⁵ Võ Nguyên Giáp (2006), Tổng tập Hồi ký, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.350.

Nguyễn Văn Huyền cũng vô cùng xúc động, tự hào. Đầu tháng 11/1946, Hồ Chí Minh thuyết phục Nguyễn Văn Huyền nhận chức Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục và nói “Tôi thấy chú chăm chỉ, có đạo đức nên đã giới thiệu với đoàn thể và được chấp nhận”. Từ ngày 3/11/1946, ông bắt đầu giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục trong Chính phủ, năm 38 tuổi. Trong kháng chiến gian khổ, dưới sự điều hành của ông, sự nghiệp giáo dục nước nhà tiếp tục phát triển, giành nhiều thành tựu to lớn. Hình ảnh ông được ghi lại trên những nẻo đường Việt Bắc “Với chiếc ba lô nhỏ gọn, một chiếc xe đạp cà tàng, một trí tuệ uyên bác ẩn trong một sức vóc không mấy cường tráng, vị Bộ trưởng ấy đã ngang dọc trên nhiều làng bản xa xôi, hẻo lánh cùng các cộng sự đem mầm tri thức và ánh sáng văn hóa đến cho đồng bào”⁶.

Trên cương vị Bộ trưởng, Nguyễn Văn Huyền gặp không ít khó khăn kể cả vật chất lẫn tinh thần. Những khó khăn về vật chất ông đều vượt qua, nhưng có khó khăn về tinh thần không ít lần làm ông nản chí. Là Bộ trưởng nhưng ông không phải đảng viên, nhiều người tỏ thái độ phân biệt, đối xử, cho rằng ông không đủ tư cách để lãnh đạo quần chúng, làm ông trăn trở và mặc cảm. Nguyễn Văn Huyền quyết định gửi thư lên Hồ Chí Minh xin thôi giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục. Nhận được đơn, ngay lập tức, Hồ Chí Minh đến gặp Nguyễn Văn Huyền, ân cần giải thích và khuyên ông tiếp tục công việc “Chú đã làm việc rất tốt, điều đó chứng tỏ không phải cứ phải là đảng viên thì mới làm việc hiệu quả. Vấn đề cốt yếu là có tư tưởng yêu nước thương dân, có phương pháp làm việc đúng, nhiệt tình và công tác tích cực thì sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chú có đủ những yếu tố đó, vì vậy Bác khuyên chú cứ tiếp tục giữ trọng trách mà Chính phủ giao. Đây cũng là chú làm việc vì dân vì nước”. Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh “Không cốt là đảng viên cộng sản hay không đảng, mà cốt là làm việc có tốt hay kém, có hiệu quả hay không hiệu quả, điều đó mới quan trọng”. Nghe những lời nói trân trọng đó của Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Huyền tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Bộ trưởng. Sau đó, Hồ Chí Minh gọi một số đảng viên là lãnh đạo của ngành giáo dục đến nhắc nhở, phê bình, rằng “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đảng viên chỉ là số ít, người ngoài đảng thì hàng triệu, hàng chục triệu, đoàn kết với nhau mới đưa cách mạng đến thắng lợi”. Năm 1960, chi bộ văn phòng Bộ Quốc gia Giáo dục nhất trí đề nghị kết nạp Nguyễn Văn Huyền vào Đảng và được Đảng ủy cơ quan Bộ đồng ý. Khi thông qua Ban Bí thư, Hồ Chí Minh góp ý “Để chú Huyền ở ngoài Đảng có lợi hơn là ở trong Đảng”. Nguyễn Văn Huyền

vô cùng xúc động, vì ông thấy không ai hiểu rõ và trân trọng ông hơn Hồ Chí Minh. Cách trọng dụng này của Hồ Chí Minh phát huy cao độ tài đức của Nguyễn Văn Huyền, trong suốt 30 năm trên cương vị Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục, cho đến khi ông qua đời tháng 10/1975.

Trong việc tìm kiếm, trọng dụng nhân tài phục vụ cho nước nhà, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến nhân tài là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, mời gọi, khuyến khích họ mang đức, mang tài phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Khâm phục tài năng, đức độ của Hồ Chí Minh, nhiều người đã từ bỏ Thủ đô Paris hoa lệ để về nước phục vụ cách mạng, trèo đèo, lội suối lên Việt Bắc, sống vô cùng gian khổ, thiếu thốn mà không hề đòi hỏi sự đãi ngộ đặc biệt nào cho riêng mình. Trong số đó phải kể đến 3 trí thức theo Hồ Chí Minh về nước năm 1946 như kỹ sư Phạm Quang Lễ, bác sĩ Trần Hữu Tước, kỹ sư Võ Quý Huân.

Phạm Quang Lễ học qua nhiều trường chế tạo vũ khí ở Đức, Pháp, có 5 bằng đại học. Lúc đó ông là kỹ sư trưởng 1 nhà máy chế tạo máy bay ở Pháp, lương 22 lượng vàng một tháng. Năm 1946, sang thăm chính thức nước Pháp, gặp Phạm Quang Lễ, Hồ Chí Minh nói “Chú chuẩn bị theo Bác về nước có được không? Kháng chiến đến nơi rồi, đàm phán như thế chứ hơn nữa cũng sẽ tan vỡ thôi. Nhân dân đang đợi chú đấy”. Xúc động trước lời mời gọi chân tình, tha thiết của Hồ Chí Minh, Phạm Quang Lễ đồng ý về nước. Khi về, kỹ sư mang theo 1,1 tấn tài liệu, sách vở về chế tạo vũ khí tích lũy được. Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ Pháp đóng sổ tài liệu đó thành từng hộp, đánh số thứ tự từ 1 đến hết và xếp lên tàu. Hàng ngày, Hồ Chí Minh đi kiểm tra, nếu thiếu số nào thì có nghĩa mất thùng tài liệu đó. Sau khi về nước, ngày 27/10/1946, Phạm Quang Lễ được Hồ Chí Minh trực tiếp giao nhiệm vụ lên Thái Nguyên, nghiên cứu chế tạo súng chống tăng dựa theo mẫu badôca của Mỹ, với hai viên đạn do Giáo sư Tạ Quang Bửu cung cấp. Vừa bắt tay vào việc, được ít ngày lại có điện gấp từ Bộ Quốc phòng gọi về gặp Hồ Chí Minh. Ngày 5/12/1946, Phạm Quang Lễ đến Bắc bộ phủ, Hồ Chí Minh trịnh trọng nhưng cũng rất thân mật nói “Kháng chiến sắp đến nơi rồi, hôm nay tôi gọi chú lại để trao cho chú nhiệm vụ làm Cục trưởng quân giới. Chú lo vũ khí cho bộ đội diệt giặc”. Từ đó, Hồ Chí Minh giao cho ông

⁶ Đỗ Hoàng Linh: Bác Hồ và Bộ trưởng Bộ giáo dục Nguyễn Văn Huyền, Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, ngày 10/9/2016.

toàn quyền chủ động trong việc chế tạo vũ khí mà không phải thông qua bất kỳ một cấp nào khác. Hồ Chí Minh còn ân cần căn dặn: “Việc của chú là việc đại nghĩa, vì thế từ nay Bác đặt tên cho chú là Trần Đại Nghĩa. Dùng bí danh này để giữ bí mật cho chú và để bảo vệ gia đình, bà con chú còn ở trong Nam”. Sau đó, Hồ Chí Minh giải thích ý nghĩa của tên “Một là họ Trần, là họ của danh tướng Trần Hưng Đạo. Hai là, Đại Nghĩa là nghĩa lớn để chú nhớ đến nhiệm vụ của mình với nhân dân, với đất nước. Đại Nghĩa còn là chữ của Nguyễn Trãi trong Bình Ngô đại cáo. Chú có ưng bí danh đó không?”. Giữa núi rừng, bên những thung lũng hoang vắng, Trần Đại Nghĩa trải sách vở la liệt, miệt mài nghiên cứu, chế tạo vũ khí. Ông chế tạo và tổ chức sản xuất ra nhiều loại mìn, vũ khí quan trọng, đặc biệt là súng Bazoka, SKZ, trở thành nỗi kinh hoàng đối với thực dân Pháp. Nhằm ghi nhận, tôn vinh những đóng góp vô giá của Trần Đại Nghĩa, ngày 10/8/1952, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 107/SL phong tặng ông danh hiệu Anh hùng lao động. Trong một bài báo ký tên C.B, Hồ Chí Minh viết “Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa là một đại trí thức, mang một lòng nhiệt thành về phụng sự Tổ quốc, phục vụ kháng chiến”.

Bác sĩ Trần Hữu Tước (1913 - 1983), quê Hà Nội. Tốt nghiệp phổ thông trung học, được học bổng sang Pháp học. Tại Pháp, ông thi đỗ vào trường Đại học Y khoa Paris, bảo vệ luận án bác sĩ xuất sắc năm 1940, được giữ lại trường làm bác sĩ Tai mũi họng, được mời hợp tác giảng dạy, điều trị tại nhiều bệnh viện, có thu nhập rất cao (trên 20.000 franc lúc đó). Nghe theo lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, Trần Hữu Tước từ bỏ cuộc sống giàu sang phú quý bên Pháp, tự nguyện trở về quê hương. Về Hà Nội, ông được mời giảng dạy và xây dựng ngành Tai mũi họng ở Trường Đại học Y Dược Việt Nam (nay là Trường Đại học Y Hà Nội), là một trong những cán bộ giảng dạy giỏi đầu tiên của trường. Từ khi thành lập (1902) cho đến Cách mạng tháng Tám thành công, Trường Đại học Y được bị bắt buộc giảng dạy bằng tiếng Pháp. Bác sĩ Trần Hữu Tước là người đầu tiên dùng tiếng Việt để giảng dạy, là một thành công lớn của nền Y học nước nhà. Ngày toàn quốc kháng chiến, bác sĩ làm việc trong đội điều trị của Trung đoàn Thủ đô suốt 60 ngày đêm, rút khỏi Hà Nội tháng 2/1947, rồi ra ngoài vùng tự do phục vụ khám chữa bệnh cho bộ đội và nhân dân. Khi trường Đại học Y chuyển lên Chiêm Hóa, bác sĩ nhận nhiệm vụ đào tạo cán bộ chuyên khoa tai mũi họng. Thời gian này, bác sĩ bị đau đường ruột, sức khỏe giảm sút rất nhanh (năm 1946

về nước nặng 75kg, lúc này còn 42kg, sút trên 30kg). Thuốc men quá thiếu thốn, cấp trên gợi ý sắp xếp một đường dây bí mật đưa bác sĩ về Hà Nội chữa bệnh nhưng bác sĩ kiên quyết từ chối và nói “Thà chết ngoài vùng tự do còn hơn sống trong vùng địch tạm chiếm!”. Trước tình hình đó, Hồ Chí Minh vừa khuyên bảo, vừa kiên quyết yêu cầu bác sĩ phải đi chữa bệnh và cấp tốc gửi sang Trung Quốc khám, điều trị. Nhờ vậy, sau một thời gian, sức khỏe của bác sĩ bình phục, ông về nước tiếp tục phục vụ cách mạng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, bác sĩ giảng dạy tại trường Đại học Y được ở chiến khu, đào tạo hơn 500 y bác sĩ chuyên khoa tai mũi họng. Hòa bình lập lại, ông trở thành giám đốc bệnh viện Bạch Mai, Chủ tịch đầu tiên của Tổng Hội y học Việt Nam.

Với Nguyễn Sơn, Hồ Chí Minh lại có một cách trọng dụng đặc biệt khác. Nguyễn Sơn sinh năm 1908, ở Gia Lâm, Hà Nội. Năm 1925, ông sang Trung Quốc hoạt động, nhập vào gia đình họ Lý của Lý Thụy (Hồ Chí Minh), được Hồ Chí Minh đặt tên là Lý Anh Tự. Sau một thời gian thời gian hoạt động ở Trung Quốc, tháng 11/1945, ông về nước theo đề nghị của Đảng và Hồ Chí Minh, giữ nhiều chức vụ trong Đảng, chính quyền, quân đội. Ngày 20/11/1948, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 111-SL phong quân hàm thiếu tướng cho Nguyễn Sơn. Quân hàm này chỉ đứng sau Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Bình, đứng ngang hàng với Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái. Song, Nguyễn Sơn không chấp nhận sắc lệnh, trì hoãn lễ thụ phong do Ủy ban kháng chiến Liên khu 4 được Hồ Chí Minh ủy nhiệm tổ chức. Chưa hết, ông còn chơi chữ với Hồ Chí Minh khi nói rằng, mình là thừa tướng rồi, không cần đến thiếu tướng, hoặc cấp thiếu tướng phong cho đồng chí Đào Chính Nam (khu phó khu 4), còn ông xin chấp nhận cấp đại tá vì tài đức kém. Biết được sự việc này, Hồ Chí Minh vẫn bình tĩnh, chờ đợi. Một buổi chiều, sau khi ăn cơm với Hoàng Đạo Thúy, Hồ Chí Minh nhận được công văn hỏa tốc của Khu ủy kháng chiến hành chính Liên khu 4 về việc của Nguyễn Sơn. Đọc xong công văn, Hồ Chí Minh lấy bưu thiếp viết mấy câu thơ bằng chữ Hán gửi Nguyễn Sơn: “Tặng Sơn đệ”:

“Đảm dục đại
Tâm dục tế
Trí dục viên
Hạnh dục phương”.
Dịch nghĩa là:
Cái gan phải lớn
Cái tâm phải tinh tế
Cái trí phải tròn trịa
Cái nết phải ngay thẳng

Bốn câu thơ trên là của Tôn Tử Mạo (người Trung Quốc), nguyên văn:

“Đảm dục đại nhi tâm dục tiểu,
Trí dục viên nhi hạnh dục phương,
Niệm niệm hữu như lâm địch nhật,
Tâm tâm thường tự quá kiêu thời”.
Dịch là: Gan cần lớn mà tâm cần nhỏ, chín chắn
Trí vẹn toàn mà lòng phải thẳng ngay
Nhớ kỹ giống như đang đánh giặc.
Ghi lòng chẳng khác lúc qua cầu.

Hồ Chí Minh lấy hai câu thơ đầu và thay chữ “tiểu” bằng chữ “tế”. “Tiểu” là nhỏ, nhưng “tế” còn nhỏ hơn và khi “tế” đi với “đại” thì còn có nghĩa là bao dung. Bằng cách thay thế đó, Hồ Chí Minh muốn nói rằng, cái tâm của con người phải thật sự khéo léo, tế nhị, chín chắn... hơn nhiều lần so với người xưa đã dạy. Hồ Chí Minh chỉ thị cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, đặc phái viên của Chính phủ lặn lội từ Việt Bắc vào Liên khu IV để trao tẩm thiệp và chủ trì lễ thụ phong quân hàm cho Nguyễn Sơn. Sau khi nhận, đọc tẩm thiệp, Nguyễn Sơn thốt lên “Ông cụ khiếp thật!” và lập tức chỉ thị cho cán bộ trong Liên khu khẩn trương chuẩn bị lễ thụ phong⁷.

Những câu chuyện trên đây chỉ là số ít ỏi, trong muôn vàn câu chuyện về việc trọng dụng nhân tài của Hồ Chí Minh. Qua đó, cho chúng ta thấy rằng, với mỗi con người, tài năng khác nhau, Hồ Chí Minh có cách trọng dụng khác nhau. Từ đó, có thể rút ra những kinh nghiệm về trọng dụng nhân tài sau đây:

Thứ nhất, trọng dụng nhân tài phải “chọn đúng người, giao đúng việc”. Người có khả năng nào thì giao việc ấy, tài to giao việc lớn, tài nhỏ giao việc nhỏ. Như vậy nhân tài mới có cơ sở để phát huy được khả năng của mình. Nếu người có tài to giao việc nhỏ, tài nhỏ lại giao việc lớn, hoặc có khả năng làm việc này nhưng lại giao việc khác đều sẽ bị kìm hãm. Nhận ra Võ Nguyên Giáp có tài thiên bẩm về quân sự, Hồ Chí Minh phong đặc cách lên đại tướng, bổ nhiệm làm Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Phạm Quang Lễ hiểu biết sâu rộng về vũ khí, Hồ Chí Minh bổ nhiệm ngay làm Cục trưởng Quân giới. Nguyễn Văn Huyền học hành đỗ đạt, bổ nhiệm làm Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục... Những việc làm đó cho thấy, Hồ Chí Minh đã “chọn đúng người, giao đúng việc”, phát huy cao độ tài đức của Võ Nguyên Giáp, Phạm Quang Lễ và Nguyễn Văn Huyền, đưa đến những thắng lợi lớn của cách mạng.

Thứ hai, trọng dụng nhân tài phải mềm dẻo, linh hoạt, không cứng nhắc, máy móc. Điển hình như việc Hồ Chí Minh phong đặc cách đại tướng cho Võ Nguyên Giáp mà không qua cấp bậc tuần tự nào.

Nếu qua cấp bậc thì từ chỉ huy du kích lên đại tướng phải mất 36 năm. Hay việc Hồ Chí Minh đề Nguyễn Văn Huyền làm Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục mà không cần phải là đảng viên. Qua đó cho thấy nếu không linh hoạt, không mềm dẻo, mà cứ cứng nhắc, máy móc theo quy định thì sẽ bỏ lỡ mất nhân tài. Nếu phải đợi 36 năm mới có đại tướng Võ Nguyên Giáp thì sẽ không có Điện Biên Phủ và nếu phải là Đảng viên mới đủ tư cách làm Bộ trưởng thì sẽ không có một nền giáo dục Việt Nam phát triển trong chiến tranh ác liệt.

Thứ ba, khi giao nhiệm vụ, nên dùng lời lẽ giản dị, mộc mạc, gần gũi, không cao sang, danh thếp nhưng phải hàm chứa trong đó sự nghiêm túc, tôn sùng, nể trọng và đầy tin tưởng. Những điều này được thể hiện rõ khi Hồ Chí Minh cho phép Võ Nguyên Giáp toàn quyền quyết định ở trận Điện Biên Phủ, Nguyễn Văn Huyền làm Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục, Phạm Quang Lễ làm Cục trưởng quân giới. Đây là những nhiệm vụ rất trọng đại, được Chủ tịch nước giao cho cấp dưới của mình nhưng Hồ Chí Minh nói rất thân mật, lời lẽ giản dị, không có quyết định trịnh trọng, không tổ chức lễ công bố rùm beng, rườm rà. Điều đó không có nghĩa Hồ Chí Minh xuề xòa, coi thường cấp dưới mà chính là đỉnh cao của sự ngưỡng mộ, giữa Chủ tịch nước và nhân tài không có khoảng cách. Cách thể hiện đó làm cho ai cũng thấy chân tình, gần gũi như chú với cháu, như anh với em, như cha với con. Vì vậy, nhân tài nào cũng thấy mình được đề cao, được tin yêu, được coi trọng, chấp hành nhiệm vụ như một mệnh lệnh tối cao của dân tộc.

Thứ tư, khi giao nhiệm vụ cho nhân tài phải tin tưởng tuyệt đối, tạo mọi điều kiện để nhân tài phát huy khả năng và hoàn thành nhiệm vụ. Mặc dù Bộ Chính trị đã phê duyệt phương châm đánh Điện Biên Phủ là “đánh nhanh, thắng nhanh” nhưng Hồ Chí Minh vẫn cho phép đại tướng Võ Nguyên Giáp chủ động thay đổi. Khi giao nhiệm vụ Cục trưởng Quân giới cho Trần Đại Nghĩa, Hồ Chí Minh nói “chú lo vũ khí cho bộ đội đánh giặc” mà không phải qua cấp bậc nào nữa... Điều đó cho thấy Hồ Chí Minh đặt niềm tin tưởng tuyệt đối vào nhân tài, tạo mọi điều kiện để nhân tài phát huy cao độ tài năng của mình. Nếu không như vậy, khi lên Điện Biên Phủ, xét thấy đánh theo phương châm của Bộ Chính trị không thể thắng lợi, Võ Nguyên Giáp phải cử người hoặc trực tiếp về Tín Keo để bàn bạc với Bộ Chính trị thì không bao giờ có Điện Biên Phủ, vì quãng đường quá xa,

⁷ Nguyễn Sơn vị tướng huyền thoại, Nxb trẻ, TPHCM, 2001, tr.89

trong khi thời gian rất gấp. Vì được Hồ Chí Minh cho phép nên Võ Nguyên Giáp không phải di chuyển, chủ động bàn bạc với chuyên gia, quyết định phương châm mới “đánh chắc tiến chắc”, bố trí lại thế trận cho kịp thời rồi mới cử người về báo cáo. Việc làm này của Hồ Chí Minh tạo điều kiện cho Võ Nguyên Giáp chủ động, tập trung cao độ cho việc tư duy tìm ra phương châm mới mà không phải lo nghĩ, phân tán bất kỳ việc khác nữa.

Thứ năm, đánh giá công lao, cống hiến, đóng góp và đãi ngộ nhân tài phải khách quan, kịp thời, xứng đáng. Phạm Quang Lễ, lương 22 lạng vàng ở Pháp, thừa đủ để ông có cuộc sống giàu sang phú quý, theo Hồ Chí Minh về nước, cuộc sống thiếu thốn trăm bề nhưng không làm ông chán nản bởi Hồ Chí Minh luôn thấu hiểu, động viên và khích lệ. Nhận thấy đó là cống hiến lớn lao của ông mà không tiền bạc, vật chất nào sánh được, từ rất sớm (tháng 10/1952), Hồ Chí Minh phong tặng ông danh hiệu Anh hùng Lao động. Hơn ai hết, ông hiểu đây là phần thưởng tinh thần nhưng vô cùng cao quý, là sự đãi ngộ lớn nhất đối với ông, là niềm vinh dự mà cả đời ông trân trọng và nâng niu. Hiểu điều đó, Phạm Quang Lễ đã cống hiến trọn đời cho cách mạng Việt Nam mà không màng đến vật chất, hay việc quay lại nước Pháp để hưởng cuộc sống giàu sang. Võ Nguyên Giáp, chưa một lần Hồ Chí Minh phong tặng danh hiệu anh hùng, bởi Hồ Chí Minh hiểu rõ tài năng, cống hiến của ông thật phi thường, vượt lên trên danh hiệu anh hùng. Việc Hồ Chí Minh chỉ phong đại tướng duy nhất một lần, là đại tướng đầu tiên của quân đội nhân dân Việt Nam, mà cả đời ông không thay quân hàm trên vai áo đã nói lên phần thưởng vô giá, cao quý mà ông được Hồ Chí Minh ghi nhận và tôn vinh. Xúc động, tự hào trước sự đãi ngộ của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp mang hết tài năng, đức độ của mình cống hiến cho cách mạng, làm nên những thắng lợi vĩ đại trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trở thành một trong 10 vị tướng lừng danh của thế giới. Tên tuổi của ông luôn gắn liền với tên tuổi của Hồ Chí Minh. Nhắc đến Việt Nam, thế giới thường nói “Việt Nam - Hồ Chí Minh - Võ Nguyên Giáp - Điện Biên Phủ”⁸.

Thứ sáu, quan tâm đến nhân tài phải sâu sát, toàn diện, cụ thể, thiết thực. Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến bản thân nhân tài mà còn quan tâm đến gia đình, người thân của họ. Đối với nhân tài, Người lo từ sức khỏe (bác sĩ Trần Hữu Tước), đến sinh hoạt ăn ở (Phạm Quang Lễ), đến công việc (Nguyễn Văn Huyền)... Bác sĩ Trần Hữu Tước

là bác sĩ nhưng khi bị bệnh, đích thân Hồ Chí Minh động viên, kiên quyết đưa đi chữa bệnh và phải chữa bằng được (gửi sang tận Trung Quốc). Đối với con gái của Nguyễn Văn Huyền, Hồ Chí Minh quan tâm đến sức khỏe, động viên kịp thời khi cháu Hiếu đi học nước ngoài. Sự quan tâm sâu sát đó của Hồ Chí Minh là phần thưởng, nguồn động viên to lớn, giúp nhân tài yên tâm cống hiến. Có Hồ Chí Minh chăm lo cho cháu Hiếu, Nguyễn Văn Huyền dốc toàn tâm, toàn ý vào công cuộc cải cách giáo dục lần đầu tiên của Việt Nam (1950), nâng giáo dục phổ thông lên 9 năm, xóa mù chữ cho hơn 10 triệu người Việt Nam.

Thứ bảy, khi nhân tài có khuyết điểm, phải ân cần chỉ bảo, không đao to búa lớn, không lấy quyền uy của người lãnh đạo để áp đặt, dọa nạt. Nguyễn Sơn không chấp nhận quyết định phong thiếu tướng, không dự lễ thụ phong, lại còn có ý chơi chữ với Hồ Chí Minh. Dưới thời phong kiến như vậy là mắc tội phạm thượng khi quân, phải chết. Hồ Chí Minh không trách cứ, không xử phạt, không dọa dẫm, không lấy quyền uy của Chủ tịch nước để áp đặt, không gây căng thẳng, không đẩy Nguyễn Sơn vào ngõ cụt mà lấy tình anh em (qua tấm bưu thiếp “Tặng Sơn đệ”) để dạy bảo, tha thứ. Nguyễn Sơn như “con ngựa bất kham” được Hồ Chí Minh cảm hóa, thuần dưỡng rất nhẹ nhàng nhưng sâu sắc, thấm thía mà không hề oán hận, cay cú. Như vậy, nhân tài có lớn đến mấy cũng thấy mình nhỏ bé, cần phải học hỏi, sửa chữa và cống hiến nhiều hơn nữa. Nguyễn Sơn đã lấy 12 chữ Hồ Chí Minh tặng, hoàn thiện cuộc đời binh nghiệp của mình, đóng góp cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam và Trung Quốc, để trở thành một Lưỡng quốc tướng quân!

Những kinh nghiệm trên đây mới chỉ là bước đầu, chưa phản ánh đầy đủ, toàn diện việc trọng dụng nhân tài của Hồ Chí Minh. Tuy vậy, chúng ta có thể vận dụng linh hoạt vào hoàn cảnh, vị trí của từng người, không chỉ đối với người lãnh đạo mà trong cả cuộc sống thường ngày, nhằm phát hiện, phát huy tài năng của mọi người phục vụ cho cuộc sống, cho quốc gia. Những năm tới đây, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập sâu rộng với thế giới. Để sự nghiệp cách mạng to lớn đó thành công, vấn đề cốt lõi là chúng ta đi lên bằng trí

(Xem tiếp trang 25)

⁸ Nhà xuất bản Văn hóa thông tin: Những nền văn minh thế giới, Nxb VHHT, Hà Nội, 1999, tr.328

đoàn đòi hỏi Đảng tiếp tục nghiên cứu, nhận thức sâu hơn, toàn diện hơn về vị trí, vai trò, chức năng của công đoàn trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Đồng thời, phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội nói chung, đối với công đoàn nói riêng cho thích ứng với yêu cầu của tình hình mới. Đảng lãnh đạo hoạt động công đoàn, để triển khai các nhiệm vụ công tác của Đảng trong tổ chức công đoàn và GCCN, nhằm xây dựng, phát huy vai trò của GCCN, tổ chức công đoàn trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ tổ quốc. Không có sự quan tâm, cộng tác của Nhà nước, công đoàn khó có thể phát huy được vai trò trường học kinh tế, trường học quản lý và trường học chủ nghĩa xã hội của người lao động. Điều này đồng nghĩa với việc GCCN không thể lớn mạnh được, như vậy, vai trò của công đoàn trong xây dựng GCCN sẽ bị suy giảm. Bởi vậy Nhà nước cần tạo điều kiện về cơ sở pháp lý, điều kiện cơ sở vật chất và các điều kiện khác cho công đoàn hoạt động, thể hiện ở việc: Nhà nước thông qua hiến pháp, ban hành các văn bản pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho công đoàn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, nâng cao vị thế của công đoàn, công đoàn Việt Nam phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, chủ động phối hợp với nhà nước nhằm phát huy vai trò đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động và phát huy vai trò trường học CNXH, trường học quản lý kinh tế, quản lý xã hội, giáo dục, thuyết phục công nhân, lao động không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp, rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong công nghiệp, chủ động, sáng tạo trong lao động sản xuất góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. □

Tài liệu tham khảo

1. V.I. Lênin, *Mác - Ăngghen - chủ nghĩa Mác*, NXB Tiến bộ, Matxcova, 1976, tiếng Việt.
2. C. Mác - Ph. Ăngghen, *toàn tập*, NXB Sự thật Hà Nội, 1970.
3. C. Mác - Ăngghen, *tuyển tập*, tập 1, NXB Sự thật, Hà Nội, năm 1980.
4. C. Mác - Ăngghen, *toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội 1995.

5. Văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Việt nam lần thứ XII, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội 2016.
6. Văn kiện Đại hội công đoàn Việt nam lần thứ XI, NXB Lao động, Hà Nội 2013.
7. Tôn Trung Pham - An Miêu, Phùng Đồng Khánh-Trần Kỳ, *Lý luận Công đoàn trong thời kỳ chuyển sang kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, NXB Lao động, Hà Nội 2004.
8. TS Đặng Ngọc Tùng, *Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam giai đoạn 2011- 2020*, NXB Lao động, Hà Nội 2010.

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC...

(Tiếp theo trang 9)

tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam. Việc học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về thu hút và trọng dụng nhân tài, không chỉ người Việt Nam ở trong nước mà cả người Việt Nam ở nước ngoài là đặc biệt cần thiết và rất quan trọng. Hơn bao giờ hết, chúng ta cần nhận đúng đắn vai trò của người tài đức, có cách thức sử dụng hợp lý, không để chảy máu chất xám, nhằm phát huy cao nhất mọi nguồn lực sáng tạo của nhân dân phục vụ cho sự phát triển bền vững của đất nước, vì một nước Việt Nam giàu mạnh. □

Tài liệu tham khảo

1. Võ Nguyên Giáp (2006), *Tổng tập hồi ký*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
2. Đỗ Hoàng Linh (10/9/2016), *Bác Hồ và Bộ trưởng Bộ giáo dục Nguyễn Văn Huyền*, Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.
3. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập*, Nxb CTQG, H 1995, tập 3.
4. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập*, Nxb CTQG, H 1995, tập 4.
5. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập*, Nxb CTQG, H 1995, tập 5.
6. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập*, Nxb CTQG, H 1995, tập 6.
7. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập*, Nxb CTQG, H 1995, tập 7.
8. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập*, Nxb CTQG, H 1995, tập 12.
9. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin (1999), *Những nền văn minh thế giới*, Hà Nội.
10. Nhà xuất bản trẻ (2001), *Nguyễn Sơn vị tướng huyền thoại*, TPHCM.
11. Trung tâm văn hóa UNESCO thông tin tư liệu lịch sử văn hóa Việt Nam và Bảo tàng tỉnh Bắc Giang (1999), *Kỷ niệm 500 năm ngày mất Thân Nhân Trung: Hiền tài là nguyên khí quốc gia*.